

Bài luyện tập 1: Kéo từ vựng vào vị trí trống phù hợp

菜	除夕	饮料	最后	饺子	干杯	圣诞节	酒
---	----	----	----	----	----	-----	---

旧的一年_____一天叫_____。除夕最热闹，就像英、美等国家的
_____一样。朋友们从下午就开始准备晚饭，要做很多好吃的东西。

吃饭的时候，桌子上放着十几样_____，还有各种_____和_____。

大家要为一年的成绩_____。晚上十二点的时候，人们都要吃_____，

庆祝新年快乐。

Bài luyện tập 2: Điền từ vựng vào hình ảnh tương ứng

			

			